

Hướng dẫn **giải VBT Ngữ Văn 8 tập 1 bài Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ** ngắn gọn, chi tiết, bám sát nội dung chương trình học giúp các em tiếp thu bài giảng một cách dễ hiểu và hỗ trợ các em ôn luyện thêm kiến thức.

### **Giải câu 1 trang 8 VBT Ngữ Văn 8 tập 1**

Lập sơ đồ thể hiện cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ trong mỗi nhóm từ ngữ sau đây (theo mẫu sơ đồ trong bài học):

#### **Phương pháp giải:**

Em hãy nhớ lại định nghĩa về từ ngữ nghĩa rộng, từ ngữ nghĩa hẹp. Từ đó chọn ra những từ có nghĩa rộng nhất điền vào ô trên cùng, các từ có nghĩa hẹp hơn, ngang nhau điền vào hàng thứ hai, các từ có nghĩa hẹp nhất ở hàng thứ ba.

#### **Lời giải chi tiết:**

##### **Trả lời:**

a)

b)

### **Giải câu 2 trang 8 vở bài tập Ngữ Văn 8 tập 1**

Tìm từ ngữ có nghĩa rộng so với nghĩa của các từ ngữ ở mỗi nhóm sau đây (Xem SGK trang 11).

#### **Phương pháp giải:**

Em hãy nhớ lại khái niệm về nghĩa rộng, sau đó chọn từ có nghĩa khái quát nhất để điền vào ô dành cho nó ở đầu dòng.

#### **Lời giải chi tiết:**

- a) Xăng, dầu hỏa, (khí) ga, ma dút, củi, than: chất đốt
- b) Hội họa, âm nhạc, văn học, điêu khắc: nghệ thuật
- c) Canh, nem, rau xào, thịt luộc, tôm rang, cá rán: thức ăn
- d) Liếc, ngắm, nhòm, ngó: nhìn
- đ) Đám, đá, thụi, bịch, tát: đánh.

### **Giải câu 3 trang 9 VBT Ngữ Văn lớp 8 tập 1**

Tìm các từ ngữ có nghĩa được bao hàm trong phạm vi nghĩa của mỗi từ ngữ sau đây (Xem SGK trang 11)

#### **Phương pháp giải:**

Nhớ lại định nghĩa theo mẫu ở ví dụ a để làm tiếp các bài tập còn lại.

**Lời giải chi tiết:**

- a) Xe cộ: Xe đạp, xe máy, mô tô, ô tô...
- b) Kim loại: Thép, sắt, đồng, kẽm, nhôm...
- c) Hoa quả: Xoài, mít, ổi, hồng, cam...
- d) Họ hàng: Cô, bác, dì, dượng, cậu, mợ...
- đ) Mang: Xách, khiêng, gánh.

**Giải câu 4 trang 9 vở bài tập Văn lớp 8 tập 1**

Gạch bỏ những từ ngữ không phù hợp trong mỗi nhóm từ ngữ sau đây:

- a) Thuốc chữa bệnh: áp-pi-rin, ăm-pi-xi-lin, thuốc giun, thuốc lá
- b) Giáo viên: thầy giáo, cô giáo, thủ quỹ
- c) Bút: bút bi, bút máy, bút chì, bút điện, bút lông
- d) Hoa: hoa hồng, hoa lay-ơn, hoa tai, hoa thực dược

**Phương pháp giải:**

Em hãy chọn ra từ không cùng nghĩa, hoặc tuy có yếu tố cùng nghĩa nhưng ý nghĩa khác hẳn để loại ra. Hãy ghi từ không cùng trường nghĩa vào các dòng.

**Lời giải chi tiết:**

- a) Thuốc chữa bệnh: áp-pi-rin, ăm-pi-xi-lin, thuốc giun, thuốc lá (gạch bỏ: thuốc lá)
- b) Giáo viên: thầy giáo, cô giáo, thủ quỹ (gạch bỏ: thủ quỹ)
- c) Bút: bút bi, bút máy, bút chì, bút điện, bút lông (gạch bỏ: bút điện)
- d) Hoa: hoa hồng, hoa lay-ơn, hoa tai, hoa thực dược (gạch bỏ: hoa tai).

**Giải câu 5 trang 10 VBT Văn lớp 8 tập 1**

Đọc đoạn trích (Xem SGK trang 11) và tìm ba động từ cùng một phạm vi nghĩa, trong đó có một từ nghĩa rộng và hai từ nghĩa hẹp hơn.

**Phương pháp giải:**

Em hãy nhớ lại khái niệm nghĩa rộng và nghĩa hẹp của từ. Từ đó trả lời câu hỏi.

**Lời giải chi tiết:**

- Ba động từ cùng một phạm vi nghĩa: Khóc, nức nở, sụt sùi.
- Trong đó:
- + Từ có nghĩa rộng hơn: Khóc.

+ Từ có nghĩa hẹp hơn: Nức nở, sụt sùi.